

Bản án số: 141/2020/HS-ST
Ngày 20-11-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Khang

Bà Trần Thị Thu Quỳnh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Diệu Hương - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Thanh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 133/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Phạm Đức M, sinh ngày 07 tháng 01 năm 1989 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đức V và bà Cao Thị N; có vợ là Phạm Thị Thu H và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 07/01/2020 đến 13/01/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Đỗ Thị H, sinh ngày 28 tháng 02 năm 1984 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 98/72 L, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn K và bà Trần Thị S; có chồng là Nguyễn Cao C và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 07/01/2020 đến 13/01/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 06/01/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Ngô Quyền tiến hành kiểm tra hành chính xe mô tô Biển kiểm soát 15F1-089.20 do Phạm Đức M điều khiển trên đường Đ, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng. Phát hiện ngăn đê đồ dưới yên xe có 01 quyền hóa đơn giá trị gia tăng ký hiệu 01GTKT3/001 từ số 0000251 đến số 0000300 của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ và Xây dựng H, mã số doanh nghiệp: 0201860164, trụ sở: Số 230 L, phường M, quận N, Hải Phòng. Ngoài ra còn thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu ghi xám đã qua sử dụng của Mạnh. Quá trình làm việc, Phạm Đức M khai đã thành lập công ty để bán trái phép hóa đơn Giá trị gia tăng (viết tắt GTGT) do Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Hà V phát hành; con dấu cùng các tài liệu có liên quan được Mạnh cất giấu tại nhà riêng ở thôn N, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng.

Tiến hành khám xét khẩn cấp tại địa chỉ trên, Cơ quan điều tra thu được các đồ vật, tài liệu sau:

+ 01 dấu tròn của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Hà V;

+ 01 dấu chức danh Giám đốc Phạm Đức V;

+ 01 quyền hóa đơn GTGT ký hiệu 01GTKT3/001 từ số 0000351 đến số 0000400 của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Hà V;

+ 01 quyền hóa đơn GTGT ký hiệu 01GTKT3/001 từ số 0000401 đến số 0000450 của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Hà V;

+ 01 quyền hóa đơn GTGT ký hiệu 01GTKT3/001 từ số 0000451 đến số 0000500 của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Hà V;

Quá trình điều tra, Phạm Đức M khai nhận: Khoảng đầu năm 2018, Phạm Đức M đến Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hải Phòng tìm hiểu thủ tục thành lập doanh nghiệp với mục đích mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng. M đã mua một bộ hồ sơ thành lập doanh nghiệp lấy tên là Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Hà V. Sau đó M đưa bố đẻ là ông Phạm Đức V, sinh 1959, trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng đến Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng để ký các thủ tục cho ông V đứng tên làm người đại diện theo pháp luật của Công ty với chức danh Giám đốc. Sau khi có Giấy đăng ký kinh doanh và con dấu, M trực tiếp làm các thủ tục đăng ký thuế và đặt in hóa đơn. Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Hà V (Công ty Hà V) có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201860164 do Sở Kế hoạch và Đầu tư

thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 06/3/2018; trụ sở: Số 230 đường L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng.

Khi có hóa đơn giá trị gia tăng, M làm thủ tục thông báo phát hành hóa đơn với Cơ quan thuế sau đó bán không hóa đơn giá trị gia tăng do Công ty Hà V phát hành cho các cá nhân và đơn vị khác với giá bằng 1% trị giá hàng hóa ghi trên hóa đơn. Để hợp thức hóa việc bán trái phép hóa đơn, Mạnh đến khu vực ga D, tỉnh Hải Dương tìm mua hóa đơn GTGT trôi nổi để lấy thông tin kê khai thuế GTGT hàng hóa dịch vụ mua vào. Đồng thời, Mạnh trực tiếp làm các giao dịch chuyển tiền tại ngân hàng. Mạnh liên hệ với người mua hóa đơn giá trị gia tăng để thỏa thuận việc mua bán hóa đơn, nội dung ghi trên hóa đơn do người mua cung cấp và M tự viết nội dung trên hóa đơn hoặc nhờ vợ là Phạm Thị Thu H, sinh 1993, trú tại: Xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng viết hộ rồi bán cho khách mua với giá bằng 1% trị giá hàng hóa ghi trên hóa đơn. Tiền thu được từ việc bán hóa đơn trái phép Mạnh tự quản lý và sử dụng vào mục đích cá nhân và hoạt động của công ty.

Quá trình hoạt động của công ty, M đã trực tiếp bán trái phép 39 tờ hóa đơn giá trị gia tăng do Công ty Hà V phát hành cho 08 công ty với tổng trị giá hàng hóa ghi không trên hóa đơn là 23.608.275.006 đồng; tổng số tiền thuế giá trị gia tăng là 2.360.827.500 đồng, thu lợi bất chính 236.082.750 đồng. Cụ thể:

- Bán 17 tờ hóa đơn giá trị gia tăng số 0000251, 0000257, 0000259, 0000262, 0000265, 0000266, 0000269, 0000270, 0000271, 0000275, 0000276, 0000278, 0000279, 0000282, 0000284, 0000298, 0000299 (thu giữ liên 1 và liên 3) do Công ty Hà V phát hành cho đơn vị sử dụng là Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Phương Anh, có địa chỉ: Xóm 2 thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Bình thông qua Đỗ Thị H, ghi không trị giá hàng hóa là 10.940.137.000 đồng, tiền thuế giá trị gia tăng là 1.094.013.700 đồng, với giá bán 1% tổng số tiền ghi trên hóa đơn, thu lợi bất chính 109.401.370 đồng. Công ty Phương A đã sử dụng các số hóa đơn giá trị gia tăng trên để kê khai thuế. Quá trình điều tra xác định, M và Đỗ Thị H có quan hệ quen biết. Biết M có thể xuất được hóa đơn không có hàng hóa nên H đã hỏi mua của M 17 tờ hóa đơn sau đó bán lại cho người phụ nữ tên H (không rõ địa chỉ), là kế toán của Công ty Phương A 17 tờ hóa đơn giá trị gia tăng với giá 1,1% (tăng 0,1% so với giá Đỗ Thị H mua lại của M) tổng số tiền ghi trên hóa đơn, thu lợi bất chính 10.940.137 đồng.

Quá trình điều tra, Công ty Phương A cung cấp: Khoảng tháng 8/2019 có thuê người tên H làm kế toán thời vụ khi công ty nhiều việc, sau đó đến tháng 12/2019 sau khi làm sổ sách kế toán hết năm thì H đã xin nghỉ việc.

- Bán 02 tờ hóa đơn GTGT số 0000283, 0000300 (thu giữ liên 1 và liên 3) cho Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư và Phát triển Hà Nội Trí T có địa chỉ tại:

Tổ dân phố Đ 1 xóm V, phường L, quận B, thành phố Hà Nội thông qua một người phụ nữ trung gian tên M (hiện không xác định được căn cước, lai lịch) với tổng số tiền hàng ghi không trên hóa đơn là 1.202.586.136 đồng; tổng số tiền thuế GTGT là 120.258.613 đồng, với giá bán 1% tiền hàng ghi trên hóa đơn, thu lợi bất chính 12.025.861 đồng. Cơ quan CSĐT Công an quận Ngô Quyền đã chuyển hồ sơ đến Công an quận B, thành phố Hà Nội để điều tra theo thẩm quyền.

- Bán 04 tờ hóa đơn giá trị gia tăng số 0000287, 0000289, 0000291, 0000292 do công ty Hà V phát hành cho đơn vị sử dụng là Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Chương H, có địa chỉ tại: Tổ dân phố Q, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng thông qua một người phụ nữ tên D (hiện không xác định được căn cước, lai lịch) với tổng số tiền hàng ghi không trên hóa đơn là 66.500.000 đồng, tổng số tiền thuế GTGT là 6.650.000 đồng với giá bán 1% trị giá tiền hàng ghi trên hóa đơn, thu lợi bất chính 665.000 đồng. Xác định giữa Phạm Đức M và phía Công ty Chương H không trực tiếp trao đổi về việc mua bán hóa đơn, Công ty Chương H mua hàng hóa và được người bán giao hóa đơn GTGT kèm theo hàng hóa.

- Bán 06 tờ hóa đơn GTGT số 0000255, 0000267, 0000272, 0000274, 0000277, 0000280 (thu giữ liên 1 và liên 3) cho Công ty TNHH Một thành viên Q có trụ sở tại: Khu B, thị trấn M, huyện K, tỉnh Hải Dương thông qua một người phụ nữ trung gian tên D (hiện không xác định được căn cước, lai lịch) với tổng số tiền hàng ghi không trên hóa đơn là 3.553.833.870 đồng, tổng số tiền thuế GTGT là 355.383.387 đồng, với giá bán 1% tiền hàng ghi trên hóa đơn, thu lợi bất chính 35.538.338 đồng. Xác định giữa Phạm Đức M và phía Công ty Quảng T không trực tiếp trao đổi về việc mua bán hóa đơn, Công ty Quảng T mua hàng hóa và được người bán giao hóa đơn GTGT kèm theo hàng hóa.

- Bán 01 tờ hóa đơn GTGT số 0000256 (thu giữ liên 1 và liên 3) cho Công ty TNHH Phát triển Kỹ thuật Xây dựng Trường S, có trụ sở tại: Số 16 C, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình thông qua một người đàn ông trung gian tên G (hiện không xác định được căn cước, lai lịch) với tổng số tiền hàng ghi không trên hóa đơn là 1.509.500.000 đồng, tổng số tiền thuế GTGT là 150.950.000 đồng, với giá bán 1% tiền hàng ghi trên hóa đơn, thu lợi bất chính 15.095.000 đồng. Xác định giữa Phạm Đức M và phía Công ty Trường S không trực tiếp trao đổi về việc mua bán hóa đơn, Công ty Trường S mua hàng và được người bán giao hóa đơn GTGT kèm theo hàng hóa.

- Bán 02 tờ hóa đơn GTGT số 0000285, số 0000295 (thu giữ liên 1 và liên 3) cho Công ty Cổ phần Xây lắp đầu tư 151, có trụ sở tại: Số 11 Ngô Văn S, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình thông qua một người đàn ông trung gian tên G với

tổng số tiền hàng ghi không trên hóa đơn là 473.850.000 đồng, tổng số tiền thuế GTGT là 47.385.000 đồng, với giá bán 1% tiền hàng ghi trên hóa đơn, thu lợi bất chính 4.738.500 đồng. Xác định giữa Phạm Đức M và phía Công ty 151 không trực tiếp trao đổi về việc mua bán hóa đơn, Công ty 151 mua hàng hóa và được người bán giao hóa đơn GTGT kèm theo hàng hóa.

- Bán 02 tờ hóa đơn GTGT số 0000253, 0000254 (thu giữ liên 1 và liên 3) cho Công ty TNHH Thương mại Đạt S, có trụ sở: Thôn T, xã V, huyện Th, tỉnh Thái Bình thông qua một người đàn ông tên G với tổng số tiền hàng ghi không trên hóa đơn là 1.417.736.000 đồng, tổng số tiền thuế GTGT là 141.773.600 đồng, với giá bán 1% tiền hàng ghi trên hóa đơn, thu lợi bất chính 14.177.360 đồng. Xác định giữa Phạm Đức M và Công ty Đạt S không trực tiếp trao đổi mua bán hóa đơn GTGT, Công ty Đạt S mua hàng hóa và được người bán giao các tờ hóa đơn trên kèm theo hàng hóa.

- Bán 05 tờ hóa đơn GTGT số 0000252, 0000258, 0000261, 0000263, 0000273 (thu giữ liên 1 và liên 3) cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại H, có trụ sở: Thôn T, xã P, huyện D, tỉnh Bắc Ninh thông qua một người phụ nữ trung gian tên M (hiện không xác định được căn cước, lai lịch) với tổng số tiền hàng ghi không trên hóa đơn là 4.444.132.000 đồng, tổng số tiền thuế GTGT là 444.413.200 đồng, với giá bán 1% tiền hàng ghi trên hóa đơn, thu lợi bất chính 44.441.320 đồng. Xác định giữa Phạm Đức M và Công ty H không trực tiếp trao đổi mua bán hóa đơn GTGT, Công ty H mua hàng hóa và được người bán giao các tờ hóa đơn trên kèm theo hàng hóa.

Quá trình bán hóa đơn giá trị gia tăng, M đã trực tiếp soạn hợp đồng viết nội dung hàng hóa lên hóa đơn theo yêu cầu của khách hàng hoặc nhờ vợ là Phạm Thị Thu Hải viết nội dung hóa đơn sau đó M tự ký tên giám đốc lên tờ hóa đơn, đóng dấu chức danh của giám đốc trên hóa đơn, hợp đồng và các tài liệu có liên quan rồi gửi cho người mua. Để che dấu hành vi vi phạm pháp luật, tránh việc bị cơ quan quản lý Nhà nước kiểm tra phát hiện, Mạnh đã tìm mua hóa đơn GTGT trắng chưa ghi nội dung với giá 1.000.000 đồng một tờ và M tự ghi nội dung trên hóa đơn. Các hóa đơn sau khi mua và kê khai thuế, M đã hủy toàn bộ các hóa đơn, chứng từ trên.

Đối với số tiền thu lợi bất chính 236.082.750 đồng, qua xác minh tại Chi cục thuế quận Ngô Quyền thì M đã dùng nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và lệ phí môn bài của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Hà V là 27.521.473 đồng; trả tiền mua hóa đơn giá trị gia tăng đầu vào là 30.000.000 đồng, số tiền còn lại M sử dụng chi tiêu vào mục đích cá nhân.

Vật chứng của vụ án: 01 dấu tròn của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Hà V; 01 dấu chức danh Giám đốc Phạm Đức V; 01 quyển hóa đơn GTGT ký hiệu 01GTKT3/001 từ số 0000351 đến số 0000400 của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Hà V; 01 quyển hóa đơn GTGT ký hiệu 01GTKT3/001 từ số 0000401 đến số 0000450 của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Hà V; 01 quyển hóa đơn GTGT ký hiệu 01GTKT3/001 từ số 0000451 đến số 0000500 của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Hà V; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu ghi xám và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Duos màu trắng.

Tại Cáo trạng số 118/CT-VKSNQ ngày 08/10/2020 Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng truy tố Phạm Đức M về tội Mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; truy tố Đỗ Thị H về tội Mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Đức M và bị cáo Đỗ Thị H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng. Bị cáo Mạnh thừa nhận đã thành lập Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Hà V nhằm mục đích mua bán trái phép 39 số hóa đơn giá trị gia tăng cho 08 công ty, thu lợi bất chính 208.561.277 đồng. Bị cáo H khai nhận mua 17 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của M với giá 1% để bán lại cho Công ty Phương A với giá 1,1%, thu lợi bất chính số tiền 10.940.137 đồng; trước khi mở phiên tòa bị cáo H đã tự nguyện nộp số tiền 20.000.000 đồng. Bị cáo M và bị cáo H đều nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xử mức án thấp nhất.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 203; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đề nghị xử: Bị cáo Phạm Đức M từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội Mua bán trái phép hóa đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 203; Điều 17; Điều 58; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử: Phạt tiền bị cáo Đỗ Thị H từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng về tội Mua bán trái phép hóa đơn. Và không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo. Về xử lý vật chứng: Buộc bị cáo Mạnh nộp lại số tiền 208.561.277 đồng và bị cáo H nộp lại số tiền 10.940.137 đồng là tiền thu lợi bất chính; tịch thu tiêu hủy: 01 dấu tròn của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Hà V và 01 dấu chức danh Giám đốc Phạm Đức V; tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 6 màu ghi xám và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Duos màu trắng. Trước khi mở phiên tòa, bị cáo H đã tự nguyện khắc phục nộp số tiền 20.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành

án dân sự quận Ngô Quyền; trừ đi số tiền 10.940.137 đồng bị cáo thu lợi bất chính để nộp ngân sách Nhà nước, số tiền còn thừa là 9.059.863 đồng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử:

[1] Điều tra viên Công an quận Ngô Quyền, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về chứng cứ xác định các bị cáo có tội:

[2] Lời khai của bị cáo Phạm Đức M và bị cáo Đỗ Thị H tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa khẳng định: Từ tháng 3 năm 2018, Phạm Đức M thành lập Công ty TNHH Đầu tư Thương mại dịch vụ và xây dựng Hà V nhằm mục đích mua bán trái phép 39 số hóa đơn giá trị gia tăng cho 08 công ty, thu lời bất chính 208.561.277 đồng. Đỗ Thị H biết M bán hóa đơn trái phép, không có hàng hóa kèm theo nhưng vẫn mua 17 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của M với giá 1% để bán lại cho Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Phương A với giá 1,1%, thu lời bất chính số tiền 10.940.137 đồng.

[3] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Đức M phạm tội Mua bán trái phép hóa đơn quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự và bị cáo Đỗ Thị H phạm tội Mua bán trái phép hóa đơn quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

[4] Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý hóa đơn, chứng từ của nhà nước, đồng thời xâm phạm đến hoạt động quản lý thu, chi ngân sách Nhà nước, gây mất trật tự trị an. Chính vì vậy phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung:

[5] Bị cáo Phạm Đức M và bị cáo Đỗ Thị H không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập và tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Phạm Đức M và bị cáo Đỗ Thị H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo M và bị cáo H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo M có bố là ông Phạm Đức V có thời gian tham gia quân đội và được tặng thưởng huân chương chiến công hạng 3 nên bị cáo M được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo H phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và trước khi mở phiên tòa, đã tự nguyện nộp số tiền 20.000.000 đồng nên còn được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Xét vai trò của các bị cáo:

[8] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo Phạm Đức M, bị cáo Đỗ Thu H đều là người trực tiếp thực hiện tội phạm và bị cáo M tham gia chính trong vụ án. Do đó cần phân hóa rõ vai trò của các bị cáo để áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội.

[9] Bị cáo M bán 39 hóa đơn có ghi hàng hóa không giá trị gia tăng với tổng giá trị hàng hóa chưa thuế thu lời bất chính số tiền 208.561.277 đồng, phạm vào hai tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự. Vì vậy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo M.

[10] Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo H có mức độ, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có công ăn việc làm ổn định, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo phạm tội trong lĩnh vực kinh tế có khung hình phạt quy định hình phạt chính là phạt tiền và bị cáo H đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền. Do đó áp dụng Điều 35 Bộ luật Hình sự phạt tiền đối với bị cáo H cũng đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

- Về tiền thu lợi bất chính:

[10] Bị cáo Phạm Đức M thu lợi bất chính số tiền 208.561.277 đồng. Do vậy bị cáo phải nộp lại số tiền 208.561.277 đồng vào Ngân sách Nhà nước

[11] Bị cáo Đỗ Thị H thu lợi bất chính số tiền 10.940.137 đồng. Trước khi mở phiên tòa bị cáo H đã nộp số tiền 20.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0006034 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền; trừ đi

số tiền 10.940.137 đồng bị cáo thu lợi bất chính để nộp ngân sách Nhà nước, số tiền còn thừa là 9.059.863 đồng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Về xử lý vật chứng:

[12] Đối với 01 dấu tròn của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Hà V; 01 dấu chức danh Giám đốc Phạm Đức V, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[13] Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu ghi xám thu giữ của bị cáo M và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Duos màu trắng thu giữ của bị cáo H, liên quan đến hành vi phạm tội cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

- Về án phí:

[14] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 203; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạm Đức M 12 (mười hai) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, trừ cho bị cáo 06 (sáu) ngày tạm giữ trước đó từ ngày 07/01/2020 đến ngày 13/01/2020.

- Căn cứ khoản 1 Điều 203; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử: Phạt tiền bị cáo Đỗ Thị H 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

- Về số tiền thu lợi bất chính:

+ Bị cáo Phạm Đức M phải nộp lại số tiền 208.561.277 (hai trăm linh tám triệu, năm trăm sáu mươi một nghìn, hai trăm bảy mươi bảy) đồng vào Ngân sách Nhà nước.

+ Bị cáo Đỗ Thị H phải nộp lại số tiền 10.940.137 (mười triệu, chín trăm bốn mươi nghìn, một trăm ba mươi bảy) đồng. Bị cáo H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006034 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

+ Tạm giữ số tiền 9.059.863 (chín triệu, không trăm năm mươi chín nghìn, tám trăm sáu mươi ba) đồng theo Biên lai thu tiền số 0006034 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng để đảm bảo thi hành án.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 dấu tròn của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Hà V; 01 dấu chức danh Giám đốc Phạm Đức V.

+ Tịch thu phát mại nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu ghi xám và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Duos màu trắng.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/10/2020 giữa Công an quận Ngô Quyền và Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền)

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo M và bị cáo H mỗi người phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười năm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Công an quận Ngô Quyền;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận Ngô Quyền;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Trại tạm giam thành phố Hải Phòng;
- PV06 Công an thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan THA hình sự Công an quận Ngô Quyền;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Công an quận Ngô Quyền;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận Ngô Quyền;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Trại tạm giam thành phố Hải Phòng;
- PV27 Công an thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan THA hình sự Công an quận Ngô Quyền;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

